Tác Giả: Theo Wilipedia Ti□ng Vi□t
Thứ Bảy, 24 Tháng 4 Năm 2010 14:47

Vi□t Nam qua các th□i k□ l□ch s□ đã dùng nhi□u qu□c hi□u (tên chính th□c c□a qu□c gia) khác nhau.

□

M□c l□c [□n]

1 Quốc hiệu chính thức
1.1 Văn Lang
1.2 Âu Lạc
1.3 Vạn Xuân
1.4 Đại Cồ Việt
1.5 Đại Việt
1.6 Đại Ngu
1.7 Việt Nam
1.8 Đại Nam
1.9 Đế quốc Việt Nam
1.10 Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
1.11 Nam Kỳ quốc
1.12 Quốc gia Việt Nam
1.13 Việt Nam Cộng hòa
1.14 Cộng hòa Miền Nam Việt Nam
1.15 Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
2 Các danh xưng gây tranh cãi
2.1 Xích Quỷ
2.2 Nam Việt
2.3 An Nam

Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử đã dùng nhiều quốc hiệu (tên chính thức của quốc gia) khác nhau. Bên cạnh đó, cũng có những danh xưng được dùng chính thức hay không chính thức để chỉ vùng lãnh thổ thuộc quốc gia Việt Nam.

Quốc hiệu chính thức

Dưới đây là danh sách các quốc hiệu chính thức của Việt Nam theo dòng lịch sử. Các quốc hiệu này đều được ghi chép trong các sách sử Việt Nam, hoặc được chính thức sử dụng trong nghi thức ngoại giao quốc tế.

Văn Lang

Văn Lang (chữ Hán: 文郎) được coi là quốc hiệu đầu tiên cho Việt Nam. Quốc gia này có kinh đô đặt ở Phong Châu nay thuộc tỉnh Phú Thọ. Lãnh thổ gồm khu vực Đồng bằng Bắc Bộ và ba tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh bây giờ. Quốc gia này tồn tại cho đến năm 258 TCN.

Âu Lạc
Năm 257 TCN, nước Âu Lạc (甌雒 , 甌駱 , 甌貉) được dựng lên, tự liên kết các bộ lạc Lạc Việt (Văn Lang) và Âu Việt, dưới uy thế của Thục Phán - An Dương Vương. Âu Lạc có lãnh thổ bao gồm lãnh thổ của Văn Lang trước đây và một phần đông nam Quảng Tây (Trung Quốc).

Khoảng cuối thế kỷ thứ 3 TCN, đầu thế kỷ thứ 2 TCN (năm 208 TCN hoặc 179 TCN[1]), Triệu Đà (quận úy Nam Hải-nhà Tần) tung quân đánh chiếm Âu Lạc. Cuộc kháng cự của An Dương Vương thất bại, nhà nước Âu Lạc bị xóa sổ.

Vạn Xuân
Vạn Xuân (萬春) là quốc hiệu của Việt Nam trong một thời kỳ độc lập ngắn ngủi khỏi chính quyền trung ương Trung Hoa của nhà Tiền Lý dưới sự lãnh đạo của Lý Nam Đế. Quốc hiệu này tồn tại từ năm 544 đến năm 602 thì bị nhà Tùy tiêu diệt.

Đại Cồ Việt
Đại Cồ Việt (大瞿越) là quốc hiệu của Việt Nam từ thời nhà Đinh đến đầu thời nhà Lý, do Đinh Tiên Hoàng đặt năm 968. Quốc hiệu này tồn tại 86 năm đến năm 1054, đời vua Lý Thánh Tông đổi sang quốc hiệu khác.

Đại Việt
Đại Việt (大越) là quốc hiệu của Việt Nam từ thời nhà Lý, bắt đầu từ năm 1054, khi vua Lý Thánh Tông lên ngôi. Quốc hiệu này tồn tại không liên tục (gián đoạn 7 năm thời nhà Hồ và 20 năm thời thuộc Minh), đến năm 1804, trải qua các vương triều Lý, Trần, Lê, Mạc và Tây Sơn, khoảng 743 năm.

Đại Ngu
Đại Ngu (大虞) là quốc hiệu của Việt Nam thời nhà Hồ. Quốc hiệu Đại Việt được đổi thành Đại Ngu năm 1400 khi Hồ Quý Ly lên nắm quyền. Sau khi nhà Hồ bị thất bại trước nhà Minh, và nhà Hậu Lê giành lại độc lập cho Việt Nam, quốc hiệu của Việt Nam đổi lại thành Đại Việt.

Về quốc hiệu này, theo truyền thuyết, họ Hồ là con cháu Ngu Thuấn (là một trong Ngũ Đế nổi tiếng ở Trung Hoa thời thượng cổ); sau này con Ngu Yên là Vĩ Mãn được Chu Vũ Vương của nhà Chu phong cho ở đất Trần gọi là Hồ Công, sau dùng chữ Hồ làm tên họ. Hồ Quý Ly nhận mình là dòng dõi họ Hồ, con cháu Ngu Thuấn, nên đặt quốc hiệu là Đại Ngu. Chữ Ngu (虞) ở đây

có nghĩa là "s□ yên vui, hòa bình", ch□ không có nghĩa là "ngu si" (□□).

Vi□t Nam

Đ□t n□□c Vi□t Nam phát tri□n sau các cu□c Nam ti□n trong 700 nămQu□c hi□u Vi□t Nam (□□) chính th□c xu□t hi□n vào th□i nhà Nguy□n. Vua Gia Long đã đ□ ngh□ nhà Thanh công nh□n qu□c hi□u Nam Vi□t, v□i lý l□ r□ng "Nam" có ý nghĩa "An Nam" còn "Vi□t" có ý nghĩa "Vi□t Th□□ng". Tuy nhiên tên Nam Vi□t trùng v□i qu□c hi□u c□a lãnh th□ nhà Tri□u, g□m c□ Qu□ng Đông và Qu□ng Tây c□a Trung Hoa; nhà Thanh đ□i ng□□c l□i thành Vi□t Nam đ□ tránh nh□m l□n, và chính th□c tuyên phong tên này năm 1804.

Tuy nhiên, tên g□i Vi□t Nam có th□ đã xu□t hi□n s□m h□n. Ngay t□ cu□i th□ k□ 14, đã có m□t b□ sách nhan đ□ Vi□t Nam th□ chí (nay không còn) do Hàn lâm vi□n h□c sĩ H□ Tông Th□c biên so□n. Cu□n D□ đ□a chí vi□t đ□u th□ k□ 15 c□a Nguy□n Trãi (1380-1442) nhi□u l□n nh□c đ□n hai ch□ "Vi□t Nam". Đi□u này còn đ□□c đ□ c□p rõ ràng trong nh□ng tác ph□m c□a tr□ng Trình Nguy□n B□nh Khiêm (1491-1585), ngay trang m□ đ□u t□p Trình tiên sinh qu□c ng□ đã có câu: "Vi□t Nam kh□i t□ xây n□n". Ng□□i ta cũng tìm th□y hai ch□ "Vi□t Nam" trên m□t s□ t□m bia kh□c t□ th□ k□ 16-17 nh□ bia chùa B□o Lâm (1558) □ H□i D□□ng, bia chùa Cam L□ (1590) □ Hà N□i, bia chùa Phúc Thánh (1664) □ B□c Ninh... Đ□c bi□t bia Th□y Môn Đình (1670) □ biên gi□i L□ng S□n có câu đ□u: "Vi□t Nam h□u thi□t, tr□n B□c □i quan" (đây là c□a ngố y□t h□u c□a n□□c Vi□t Nam và là ti□n đ□n tr□n gi□ ph□□ng B□c). V□ ý nghĩa, ph□n l□n các gi□ thuy□t đ□u cho r□ng t□ "Vi□t Nam" ki□n t□o b□i hai y□u t□: ch□ng t□c và đ□a lý (ng□□i Vi□t □ ph□□ng Nam).

Sau này, danh x□ng Vi□t Nam đ□□c chính th□c s□ d□ng nh□ qu□c hi□u t□ th□i Đ□ qu□c Vi□t Nam.

Đ□i Nam
Đ□ xem m□t khu du l□ch có tên t□□ng t□ m□i xem Đ□i Nam Văn Hi□n
Năm 1820, vua Minh M□ng lên ngôi xin nhà Thanh cho phép đ□i qu□c hi□u Vi□t Nam thành Đ□i Nam (□□), ng□ ý m□t n□□c Nam r□ng l□n. Tuy nhiên nhà Thanh đã không chính th□c ch□p thu□n. Khi nhà Thanh b□t đ□u suy y□u, vua Minh M□ng đã chính th□c đ□n ph□□ng công b□ qu□c hi□u m□i Đ□i Nam vào ngày 15 tháng 2 năm 1839. Qu□c hi□u này t□n t□i đ□n năm 1945.

Đ□ qu□c Vi□t Nam
Sau khi Nh□t đ□o chính Pháp vào ngày 9 tháng 3 năm 1945, hoàng đ□ B□o Đ□i tuyên b□ đ□c l□p và thành l□p chính ph□ đ□c l□p ngày 17 tháng 4 năm 1945, đ□ng đ□u là nhà h□c gi□ Tr□n

Trống Kim, với quốc hiệu Đế quốc Việt Nam. Trong thực tế Nhật vẫn cai trị Nam Kỳ. Sau khi Nhật đầu hàng quân Đồng Minh, Nam Kỳ mới được trao trả ngày 14 tháng 8 năm 1945, nhưng 10 ngày sau đó Hoàng đế Bảo Đại thoái vị. Đây là chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, cũng là lần đầu tiên danh xưng Việt Nam được chính thức dùng làm quốc hiệu và đất Nam Kỳ được thống nhất về một danh nghĩa vào đất nước Việt Nam.

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà là tên gọi của cả nước Việt Nam từ 1945 đến 1954 và miền Bắc Việt Nam từ 1954 đến 1976. Nhà nước này được thành lập vào ngày 2 tháng 9 năm 1945 (ngày quốc khánh của Việt Nam ngày nay). Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối đầu với Pháp và Quốc gia Việt Nam được lập ra dưới cái ô của Pháp năm 1949. Trong thời kỳ 1954-1975, chính thể này lại phải đối đầu với Việt Nam Cộng hòa được thành lập tại miền Nam Việt Nam.

Nam Kỳ quốc

Nam Kỳ quốc hay Nam Kỳ Cộng hòa quốc hoặc Cộng hòa Nam Kỳ (tiếng Pháp: République de Cochinchine) là danh xưng do chính phủ Pháp đặt ra cho vùng lãnh thổ Việt Nam phía dưới vĩ tuyến 16. Chính quyền Cộng hòa Nam Kỳ được thành lập ngày 26 tháng 3 năm 1946, về danh nghĩa là một quốc gia độc lập với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Danh xưng này tồn tại được 2 năm, sau đó lại chính quyền Cộng hòa Nam Kỳ giải thể, đổi tên lại thành Chính phủ Nam phần Việt Nam, rồi sát nhập vào chính quyền lâm thời Quốc gia Việt Nam ngày 2 tháng 6 năm 1948.

Quốc gia Việt Nam

Quốc gia Việt Nam là danh xưng của toàn bộ vùng lãnh thổ Việt Nam, ra đời chính thức từ Hiệp ước Elysée ký ngày 8 tháng 3 năm 1949, giữa Tổng thống Pháp Vincent Auriol và Cựu hoàng Bảo Đại. Về danh nghĩa, chính quyền thuộc khối Liên hiệp Pháp, độc lập, đối kháng và tồn tại trên cùng lãnh thổ với chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Danh xưng Quốc gia Việt Nam tồn tại trong 6 năm (1949-1955). Năm 1955, Ngô Đình Diệm phế truất Quốc trưởng Bảo Đại, giải tán Quốc gia Việt Nam, thành lập chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Việt Nam Cộng hòa

Việt Nam Cộng hòa là tên gọi quốc gia được thành lập tại miền Nam Việt Nam, kế tục Quốc gia Việt Nam (1949–1955). Năm 1955, trong một cuộc trưng cầu dân ý, thủ tướng Ngô Đình Diệm đã phế truất Quốc trưởng Bảo Đại, thành lập chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Chính quyền này tồn tại độc lập trong 20 năm và sụp đổ vào năm 1975.

Cộng hòa Miền Nam Việt Nam

C□ng hòa Mi□n Nam Vi□t Nam là tên g□i mà M□t tr□n Dân t□c Gi□i phóng mi□n Nam Vi□t Nam, đ□□c Vi□t Nam Dân ch□ C□ng hòa h□u thu□n, đ□t ra cho mi□n Nam Vi□t Nam v□i vi□c thành l□p m□t chính ph□ m□i đ□ ch□ng l□i chính quy□n Vi□t Nam C□ng hòa. Danh x□ng này t□n t□i trong 7 năm (1969-1976), sau đó, chính quy□n lâm th□i C□ng hòa Mi□n Nam Vi□t Nam đã gi□i tán đ□ h□p nh□t v□i Vi□t Nam Dân ch□ C□ng hòa thành m□t qu□c gia Vi□t Nam th□ng nh□t.

C□ng hòa xã h□i ch□ nghĩa Vi□t Nam
Ngày 2 tháng 7 năm 1976, Qu□c h□i khóa 6 n□□c Vi□t Nam Dân ch□ c□ng hoà đã quy□t đ□nh đ□i tên n□□c thành C□ng hòa xã h□i ch□ nghĩa Vi□t Nam. Qu□c hi□u này đ□□c s□ d□ng t□ đó đ□n nay.

Các danh x□ng gây tranh cãi
D□□i đây là nh□ng danh t□ng đ□□c dùng không chính th□c đ□ ch□ vùng lãnh th□ qu□c gia Vi□t Nam. Nh□ng danh x□ng không chính th□c đ□□c ghi nh□n l□i t□ c□ s□ ho□c t□ các tài li□u n□□c ngoài t□ tr□□c năm 1945.

Xích Qu□
Xích Qu□ (□□), còn g□i là Thích Qu□, theo Vi□t Nam S□ l□□c là có ngu□n g□c t□ th□y t□ c□a ng□□i Vi□t là Kinh D□□ng V□□ng.

Sách chép:

C□ theo t□c truy□n thì vua Đ□ Minh là cháu ba đ□i c□a vua Th□n Nông, đi tu□n thú ph□□ng nam đ□n núi Ngũ Lĩnh (thu□c t□nh H□ Nam bây gi□) g□p m□t nàng tiên, l□y nhau, đ□ ra ng□□i con tên là L□c T□c. Sau Đ□ Minh truy□n ngôi l□i cho con tr□□ng là Đ□ Nghi làm vua ph□□ng b□c, và phong cho L□c T□c làm vua ph□□ng nam, x□ng là Kinh D□□ng V□□ng, qu□c hi□u là Xích Qu□.
B□ cõi n□□c Xích Qu□ b□y gi□ phía b□c giáp Đ□ng Đình H□ (H□ Nam), phía nam giáp n□□c H□ Tôn (Chiêm Thành), phía tây giáp Ba Th□c (T□ Xuyên), phía đông giáp b□ Nam H□i.
Kinh D□□ng V□□ng làm vua n□□c Xích Qu□ vào quãng năm nhâm tu□t (2879 tr□□c Tây L□ch?) và l□y con gái Đ□ng Đình Quân là Long N□ đ□ ra Sùng Lãm, n□i ngôi làm vua, x□ng là L□c Long Quân.
Nam Vi□t
Xem V□n đ□ chính th□ng c□a nhà Tri□u.
Nam Vi□t (□□) là qu□c hi□u th□i nhà Tri□u (207 TCN-111 TCN). Nói chính xác thì đ□i t□□ng tranh cãi không ph□i là b□n thân tên g□i Nam Vi□t, mà v□n đ□ là qu□c hi□u này có đ□i di□n cho n□□c Vi□t Nam hay không. Th□i phong ki□n xem Nam Vi□t chính là qu□c hi□u c□a t□c ng□□i Vi□t,

nh□ng quan đi□m chính th□ng ngày nay cho r□ng qu□c gia Nam Vi□t khi đó là c□a ng□□i Trung Hoa. Lý do không coi Nam Vi□t là c□a Vi□t Nam: Tri□u Đà là ng□□i Hán, quê huy□n Chân Đ□nh, nhân lúc nhà T□n suy lo□n đã n□i lên l□p ra nhà Tri□u, l□y qu□c hi□u là Nam Vi□t. Các ý ki□n cho r□ng qu□c hi□u này là c□a ng□□i Vi□t có các nh□n đ□nh c□a các h□c gi□ nh□ Lê Văn H□u hay Ngô Sĩ Liên.

Lê Văn H□u nói: "Đ□t Liêu Đông không có C□ T□ thì không thành phong t□c m□c áo đ□i mũ (nh□ Trung Hoa), đ□t Ngô C□i không có Thái Bá thì không th□ lên cái m□nh c□a bá v□□ng. Đ□i Thu□n là ng□□i Đông Di nh□ng là b□c vua gi□i trong Ngũ Đ□. Văn V□□ng là ng□□i Tây Di mà là b□c vua hi□n trong Tam Đ□i. Th□ m□i bi□t ng□□i gi□i tr□ n□□c không c□ đ□t r□ng hay h□p, ng□□i Hoa hay Di, ch□ xem □ đ□c mà thôi. Tri□u Vũ Đ□ khai thác đ□t Vi□t ta mà t□ làm đ□ trong n□□c, đ□i ngang v□i nhà Hán, g□i th□ x□ng là "lão phu", m□ đ□u c□ nghi□p đ□ v□□ng cho n□□c Vi□t ta, công □y có th□ nói là to l□m v□y. Ng□□i làm vua n□□c Vi□t sau này n□u bi□t b□t ch□□c Vũ Đ□ mà gi□ v□ng b□ cõi, thi□t l□p vi□c quân qu□c, giao thi□p v□i láng gi□ng ph□i đ□o, gi□ ngôi b□ng nhân, thì gìn gi□ b□ cõi đ□□c lâu dài, ng□□i ph□□ng B□c không th□ l□i ng□p nghé đ□□c".

Ngô Sĩ Liên nói: "Truy□n Trung Dung có câu: "Ng□□i có đ□c l□n thì □t có ngôi, □t có danh, □t đ□□c s□ng lâu". Vũ Đ□ làm gì mà đ□□c nh□ th□? Cũng ch□ vì có đ□c mà thôi. Xem câu tr□ l□i L□c Gi□ thì oai anh vũ kém gì Hán Cao. Đ□n khi nghe tin Văn Đ□ đ□t th□ □p trông coi ph□n m□ t□ tiên, tu□ th□i cúng t□, l□i ban th□□ng □u h□u cho anh em, thì b□y gi□ vua l□i khu□t ph□c nhà Hán, do đó tông mi□u đ□□c cúng t□, con cháu đ□□c b□o t□n, th□ ch□ng ph□i là nh□ đ□c □? Kinh D□ch nói: "Bi□t khiêm nh□□ng thì ngôi tôn mà đ□c sáng, ngôi th□p mà không ai dám v□□t qua". Vua chính h□p câu □y".

Ho□c vua Quang Trung sau khi đánh b□i đ□i quân nhà Thanh năm 1789 đã có ý đ□nh đòi l□i đ□t hai t□nh Qu□ng Đông, Qu□ng Tây v□i lý do đây là đ□t cũ c□a Nam Vi□t th□i Tri□u Đà.

An Nam
An Nam (□□) là danh x□ng c□a ng□□i n□□c ngoài ch□ lãnh th□ Vi□t Nam trong m□t s□ th□i k□.

Ngu□n g□c danh x□ng này t□ th□i B□c thu□c (Vi□t Nam b□ Trung Qu□c đô h□), nhà Đ□□ng □ Trung Qu□c đã đ□t tên cho khu v□c lãnh th□ t□□ng □ng v□i khu v□c mi□n B□c Vi□t Nam ngày nay là An Nam đô h□ ph□ (673-757 và 768-866).

Sau khi giành đ□□c đ□c l□p, các tri□u vua Vi□t Nam th□□ng ph□i nh□n th□ phong c□a Trung Qu□c, danh hi□u An Nam qu□c v□□ng (k□ t□ năm 1164).

T□ đó ng□□i Trung Qu□c th□□ng g□i n□□c Vi□t Nam là An Nam, b□t k□ qu□c hi□u là gì. Cách g□i này đã □nh h□□ng đ□n cách g□i c□a ng□□i châu Âu tr□□c năm 1945.

Th□i k□ thu□c Pháp, Annam (g□i theo ti□ng Pháp) là tên g□i ch□ vùng lãnh th□ Trung K□ do nhà Nguy□n cai tr□ d□□i s□ b□o h□ c□a Pháp. Tuy v□y, ng□□i Pháp v□n dùng danh x□ng Annam đ□ ch□ ng□□i Vi□t nói chung □ c□ 3 vùng B□c K□ (Tonkin), Trung K□ (Annam) và Nam K□ (Cochinchine).